

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Quý I		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VL25	56,542,491,167	50,176,592,330	56,542,491,167	50,176,592,330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VL26	99,586,842	9,854,547	99,586,842	9,854,547
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VL27	56,442,904,325	50,166,737,783	56,442,904,325	50,166,737,783
4. Giá vốn hàng bán	11	VL28	39,814,061,592	35,525,574,479	39,814,061,592	35,525,574,479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16,628,842,733	14,641,163,304	16,628,842,733	14,641,163,304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL29	2,231,381,605	2,830,139,862	2,231,381,605	2,830,139,862
7. Chi phí tài chính	22	VL30	709,326,893	501,754,418	709,326,893	501,754,418
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		96,655,595	346,598,750	96,655,595	346,598,750
8. Chi phí bán hàng	24		7,844,622,736	7,544,754,575	7,844,622,736	7,544,754,575
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,752,200,364	3,767,162,858	3,752,200,364	3,767,162,858
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22) - (24+25))	30		6,554,074,345	5,657,631,315	6,554,074,345	5,657,631,315
11. Thu nhập khác	31		1,131,849,805	478,832,569	1,131,849,805	478,832,569
12. Chi phí khác	32		109,431,577	45,824,545	109,431,577	45,824,545
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,022,418,228	433,008,024	1,022,418,228	433,008,024
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,576,492,573	6,090,639,339	7,576,492,573	6,090,639,339
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL31	1,872,773,733	1,612,517,454	1,872,773,733	1,612,517,454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VL32	(356,471,978)		(356,471,978)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6,060,190,818	4,478,121,885	6,060,190,818	4,478,121,885
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			859,164,207	229,038,567	859,164,207	229,038,567
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			5,201,026,611	4,249,083,318	5,201,026,611	4,249,083,318
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		481	390	481	390

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trương Thị Thủy Linh

Đào Trung Thanh

Vũ Dương Ngọc Duy

